

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17/9/2021

V/v “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BẮC KẠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thu;

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1) Bà Hoàng Thị Thu Hiền;

2) Ông Hứa Đình Hiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

**- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:** Bà Bàn Thị Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: **131**/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021 về việc “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị H**; sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ 6, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

\* Bị đơn: Anh **Lê Đức H**; sinh năm 1980.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 6, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Hiện nay anh Lê Đức H đang thi hành án tại Đội 25, Phân trại 6, Trại Giam Phú Sơn 4, Cục C10, Bộ Công an.

Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Đông Thị L**; sinh năm 1954; địa chỉ: Tổ 6, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

**\* Những người làm chứng:**

1- Bà **Lê Thu H**; sinh năm 1976; trú tại: Tổ 3, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

2- Bà **Lê Thị H1**; sinh năm 1983; trú tại: Tổ 10B, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Vũ Thị H trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Lê Đức H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Kạn vào ngày 21/11/2003. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng mấy năm đầu hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Mặt khác anh H là người có nhược điểm trong sinh hoạt là nghiện chất ma túy, mặc dù đã bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhiều lần nhưng sau khi trở về địa phương anh H vẫn không cai nghiện được. Từ năm 2015 đến nay anh H liên tiếp vi phạm pháp luật nên hiện vẫn đang chấp hành án tại Trại Giam Phú Sơn 4 - Bộ Công an còn khoảng hơn một năm nữa mới chấp hành xong. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, việc tồn tại hôn nhân với anh H không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị không còn tình cảm với anh H nữa nên chị kiên quyết xin được ly hôn anh Lê Đức H.

-Về con chung: Vợ chồng chị có 02 (hai) con chung, con lớn tên là Lê Thu Tr, sinh ngày 30/11/2004, con nhỏ tên là Lê Đức Th, sinh ngày 07/10/2007. Các con chung đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện các con đang sống cùng bà nội là bà Đồng Thị L tại tổ 6, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Khi ly hôn, chị có nguyện vọng giao con chung Lê Thu Tr, sinh ngày 30/11/2004 và Lê Đức Th, sinh ngày 07/10/2007 cho anh Lê Đức H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi các con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên hiện nay, anh H đang phải chấp hành án đến cuối năm 2022 thì xong. Trong thời gian anh H phải thi hành án, chị đề nghị Tòa án tiếp tục cho phép bà nội của các con là bà Đồng Thị L thay anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu Lê Thu Tr và Lê Đức Th cho đến khi anh H thi hành án xong trở về thì anh H sẽ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H tự nguyện cấp dưỡng hàng tháng để nuôi hai con Lê Thu Tr và Lê Đức Th với số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/con/ tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

-Về tài sản chung, nợ chung:

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***\*Bị đơn anh Lê Đức H trong quá trình tố tụng trình bày:***

Do hiện nay anh H đang phải chấp hành án tại Phân trại 6, Trại giam Phú Sơn 4, Cục C10 - Bộ Công an nên Tòa án đã ủy thác cho Trại giam Phú Sơn 4 tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý và lấy lời khai của anh H theo quy định của pháp luật. Tại biên bản ghi lời khai và bản tự khai, anh H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh với chị Vũ Thị H kết hôn với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ. Sau khi kết hôn, quá trình chung sống hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Song từ năm 2017, anh H phạm tội và phải đi chấp hành án phạt 07 năm 06 tháng tù tại Trại giam Phú Sơn 4. Trong thời gian anh đi chấp hành án, giữa hai vợ chồng cũng không có mâu thuẫn gì lớn. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng đã phai nhạt dần. Nay chị H xin ly hôn với anh thì anh hoàn toàn nhất trí.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 02 (hai) con chung, con lớn tên là Lê Thu Tr, sinh ngày 30/11/2004, con nhỏ tên là Lê Đức Th, sinh ngày 07/10/2007. Các con chung đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay các con đang sống cùng bà nội là bà Đồng Thị L tại tổ 6, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung. Trong thời gian chưa chấp hành án xong, anh H nhờ mẹ đẻ của mình là bà Đồng Thị L, địa chỉ: Tổ 6, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn thay anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung Lê Thu Tr và Lê Đức Th cho đến khi anh H thi hành án xong trở về địa phương thì anh H sẽ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H không đề cập đến vấn đề yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***\*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đồng Thị L trong quá trình tố tụng trình bày:***

Từ nhỏ đến lớn, các con chung của chị Vũ Thị H và anh Lê Đức H là các cháu Lê Thu Tr và Lê Đức Th vẫn sống cùng gia đình bà. Nay chị H đã đi ra khỏi nhà bà, không có nhà cửa và nơi ở ổn định; chị H lại làm lao động tự do, công việc làm và thu nhập không ổn định, không có đủ điều kiện để nuôi dạy các con. Gia đình bà từ trước đến nay vẫn mở cửa hàng kinh doanh đồ điện dân dụng tại nhà. Thu nhập của bà khoảng 15.000.000đ/tháng. Hiện tại sức khỏe của bà khỏe mạnh, bình thường, có nhà cửa và thu nhập ổn định, đảm bảo việc nuôi dạy và chăm sóc hai cháu. Do vậy, khi vợ chồng chị H và anh H ly hôn thì bà có nguyện vọng được thay anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu cho đến khi anh H thi hành án xong trở về thì bà sẽ giao các cháu lại cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Bà có ý kiến đề nghị chị H cấp dưỡng nuôi hai cháu Lê Thu Tr và Lê Đức Th, mỗi cháu 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng, tổng mức cấp dưỡng cho hai

cháu là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/ tháng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Qua lấy lời khai của một số người làm chứng là chị Lê Thu H và chị Lê Thị H1 (là chị chồng và em chồng của chị H) thì họ đều cho biết sau khi chị H và anh H kết hôn thì mấy năm đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp tính tình, bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng ngày càng nguội lạnh do anh Lê Đức H nghiện ma túy và vi phạm pháp luật hình sự phải đi chấp hành án ở Trại giam Phú Sơn 4 trong thời gian dài vì vậy không thể vun đắp được tình cảm vợ chồng, khiến cho tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc.

Tòa án đã gặp Tổ trưởng và Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ tổ 6, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn để xác minh tình trạng hôn nhân của chị Vũ Thị H và anh Lê Đức H; nơi ở, công việc, điều kiện kinh tế, sức khỏe của chị Vũ Thị H và bà Đồng Thị L. Qua trao đổi, Tòa án được cung cấp thông tin như sau: Chị Vũ Thị H và anh Lê Đức H đăng ký kết hôn vào năm 2003. Sau khi kết hôn, chị H và anh H chung sống cùng bố mẹ anh H tại nhà riêng ở tổ 6, phường Đ, thành phố B. Quá trình chung sống, mấy năm đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H và anh H không hòa hợp tính tình, bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, mặt khác anh H là người nghiện ma túy, nhiều lần bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng vẫn không cai nghiện được. Từ năm 2017, anh H phải đi chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4 dẫn đến tình cảm vợ chồng giữa chị H, anh H phai nhạt dần, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Tuy nắm được vợ chồng chị H và anh H có mâu thuẫn trong suốt thời gian dài nhưng chị H, anh H cũng chưa nhờ đến sự can thiệp và hòa giải của tổ phố hay Chi hội phụ nữ để giải quyết những mâu thuẫn đó.

Về điều kiện kinh tế của chị H và bà L: Chị H là lao động tự do, thu nhập không ổn định, thời gian gần đây chị H đã bỏ đi khỏi nhà, không thấy về sống tại nhà bà L nữa. Còn bà L là công dân đang sinh sống và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ. Bà L mở cửa hàng bán đồ điện gia dụng tại nhà riêng, thu nhập cao và khá ổn định, tình trạng sức khỏe của bà L khỏe mạnh, bình thường.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình Tòa án mở phiên tòa để xét xử, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do vậy đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227; Điều

228; khoản 2 Điều 229; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 104 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Vũ Thị H.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn với anh Lê Đức H.

+ Về nuôi con chung: Giao con chung Lê Thu Tr, sinh ngày 30/11/2004 và Lê Đức Th, sinh ngày 07/10/2007 cho anh Lê Đức H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi các con đủ 18 tuổi. Trong thời gian anh Lê Đức H còn đang chấp hành án, tạm giao hai cháu Lê Thu Tr, sinh ngày 30/11/2004 và Lê Đức Th, sinh ngày 07/10/2007 cho bà Đồng Thị L (là bà nội của cháu Lê Thu Tr và Lê Đức Th) thay anh Lê Đức H thực hiện việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu Lê Thu Tr và cháu Lê Đức Th cho đến khi anh H chấp hành án xong.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Vũ Thị H có trách nhiệm cấp dưỡng hàng tháng để nuôi hai con Lê Thu Tr, sinh ngày 30/11/2004 và Lê Đức Th, sinh ngày 07/10/2007 với số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/con/ tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh H đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Vũ Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Vũ Thị H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết vụ việc ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn với bị đơn anh Lê Đức H có hộ khẩu thường trú tại tổ 6, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Vũ Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Lê Đức H và bà Đồng Thị L đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; những người làm chứng vắng mặt không có lý do, do vậy căn cứ Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238

Bộ luật tổ tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Lê Đức H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Kạn vào ngày 21/11/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sinh sống cùng gia đình chồng tại tổ 6, phường Đ, thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Kạn. Việc kết hôn của chị H và anh H trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình vì vậy, hôn nhân của chị H và anh H là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng mấy năm đầu hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống; mặt khác anh H là người có nhược điểm trong sinh hoạt là nghiện chất ma túy, mặc dù đã bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhiều lần nhưng sau khi trở về địa phương anh H vẫn không cai nghiện được. Từ năm 2015 đến nay anh H liên tiếp vi phạm pháp luật nên hiện vẫn đang chấp hành án tại Trại Giam Phú Sơn 4 - Bộ Công an còn khoảng hơn một năm nữa mới chấp hành xong. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, việc tồn tại hôn nhân với anh H không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị không còn tình cảm với anh H nữa nên chị kiên quyết xin được ly hôn anh Lê Đức H.

Qua lời khai của những người làm chứng và qua xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của chị H, anh H, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H là thực tế. Sau khi kết hôn, anh H không có trách nhiệm với vợ con, không lo làm ăn mà chơi bời, nghiện ngập ma túy, mặc dù đã bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhiều lần nhưng sau khi trở về địa phương anh H vẫn không cai nghiện được. Từ năm 2015 đến nay anh H liên tiếp vi phạm pháp luật nên hiện vẫn đang chấp hành án tại Trại Giam Phú Sơn 4 - Bộ Công an. Từ khi chị H kết hôn với anh H đến nay, phần lớn thời gian là anh H phải đi cai nghiện ma túy và đi chấp hành án, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng ngày càng nguội lạnh, đời sống chung đã không còn và mục đích hôn nhân không đạt được, việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho anh chị. Do vậy việc chị H xin ly hôn với anh H là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về nuôi con chung: Vợ chồng chị H, anh H có 02 (hai) con chung, con lớn tên là Lê Thu Tr, sinh ngày 30/11/2004, con nhỏ tên là Lê Đức Th, sinh ngày 07/10/2007. Các con chung đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện các con đang sống cùng bà nội là bà Đồng Thị L tại tổ 6, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Khi ly hôn, chị H và anh H đều có nguyện vọng là giao 02 con chung cho anh Lê Đức H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi các con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên hiện nay, anh H đang phải chấp hành án tại Trại giam Phú

Son 4 - Bộ Công an. Trong thời gian chưa chấp hành án xong, anh H nhờ mẹ đẻ của mình là bà Đồng Thị L, địa chỉ tại tổ 6, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn thay anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung là Lê Thu Tr và Lê Đức Th đến khi anh H chấp hành án xong, trở về địa phương sẽ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung đến khi đủ 18 tuổi.

Quá trình làm việc tại Tòa án, các cháu Lê Thu Tr và Lê Đức Th có nguyện vọng được sống với bố và bà nội; bà Đồng Thị L cũng có ý kiến trình bày: Bà có nguyện vọng là muốn được tiếp tục thay anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu Lê Thu Tr và Lê Đức Th cho đến khi anh H chấp hành án xong trở về thì bà sẽ giao hai cháu lại cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy, 02 cháu Lê Thu Tr và Lê Đức Th từ trước đến nay vẫn sống ổn định với mẹ và bà nội, được hưởng các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc tốt nên các cháu phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần. Mặt khác, hiện nay thời gian mà anh H phải chấp hành án cũng sắp hết (còn khoảng hơn 01 năm), sau khi chấp hành xong anh H trở về nhà, tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 cháu Lê Thu Tr và Lê Đức Th là phù hợp. Hiện nay bà nội của các cháu là bà Đồng Thị L có nhà cửa ổn định, có mở cửa hàng bán đồ điện gia dụng tại nhà riêng, thu nhập cao và khá ổn định, tình trạng sức khỏe của bà L khỏe mạnh, bình thường, đảm bảo đủ điều kiện để thay anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu trong thời gian anh H chấp hành án. Nếu giao các con chung cho bố là anh Lê Đức H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục thì các con tiếp tục được bà nội nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, học tập ổn định. Mọi quyền lợi, điều kiện về vật chất sẽ được đảm bảo tốt nhất để các cháu phát triển bình thường.

Về phần chị H làm lao động tự do, công việc và thu nhập không ổn định, chị H hiện nay đã đi ra khỏi nhà bà L, không có nhà ở, phải đi thuê phòng trọ, thay đổi chỗ ở thường xuyên, bản thân lại chỉ có một mình nên nếu giao các con chung cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng thì sẽ ảnh hưởng nhiều đến sinh hoạt, cuộc sống, học tập của các con.

Từ những cơ sở trên, xét thấy để đảm bảo quyền lợi và các điều kiện tốt nhất cho các con chung, cần thiết giao 02 con chung Lê Thu Tr và Lê Đức Th cho bố là anh Lê Đức H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Trong thời gian anh H chưa chấp hành án xong, anh H nhờ bà L thay anh H thực hiện việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 cháu Lê Thu Tr và Lê Đức Th cho đến khi anh H chấp hành án xong, trở về địa phương sẽ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 cháu Lê Thu Tr và Lê Đức Th cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp, cần được chấp nhận.

[4]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Trong biên bản nêu ý kiến, anh Lê Đức H không đề cập đến yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, trong biên bản lấy lời khai tại Tòa án, bà Đồng Thị L có ý kiến đề nghị chị Vũ Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con Lê Thu Tr và Lê Đức Th với số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/con/ tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H cũng có ý kiến chị tự nguyện cấp dưỡng hàng tháng để nuôi hai con Lê Thu Tr và Lê Đức Th với số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/con/ tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Xét thấy ý kiến của chị H là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh H đều xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Vũ Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 227, 228, 229, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 104 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. **Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Vũ Thị H. Chị Vũ Thị H được ly hôn với anh Lê Đức H.

**2. Về nuôi con chung:** Giao con chung Lê Thu Tr, sinh ngày 30/11/2004 và Lê Đức Th, sinh ngày 07/10/2007 cho anh Lê Đức H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi các con đủ 18 tuổi. Trong thời gian anh Lê Đức H còn đang chấp hành án, tạm giao hai cháu Lê Thu Tr và Lê Đức Th cho bà Đồng Thị L (là bà nội của cháu Lê Thu Tr và Lê Đức Th) thay anh Lê Đức H thực hiện việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu cho đến khi anh H chấp hành án xong.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

**3. Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Chị Vũ Thị H có trách nhiệm cấp dưỡng hàng tháng để nuôi hai con Lê Thu Tr, sinh ngày 30/11/2004 và Lê Đức Th, sinh ngày 07/10/2007 với số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/con/ tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.



Việc thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

*“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.*

*2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.*

Vì lợi ích của các con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

**4. Về tài sản chung, nợ chung:** Chị H và anh H đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

**5. Về án phí:** Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn chị Vũ Thị H phải chịu 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 02255 ngày 15/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Chị Vũ Thị H còn phải nộp 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**6. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
  - VKSND tỉnh Bắc Kạn;
  - VKSND tp. B;
  - Chi cục THADS tp. B;
  - Các đương sự;
  - UBND phường Đ, TP BK
- (Nơi ĐKKH);
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Nguyệt Thu**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Nguyệt Thu**



**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Văn Hoạt**

**Lường Tuấn Nhã**

**Tạ Văn Tư**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẮC KẠN  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*TP Bắc Kạn, ngày 15 tháng 9 năm 2020*

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 15 tháng 9 năm 2020.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

***Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tạ Văn Tư

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hoàng Văn Hoạt

2. Ông Lường Tuấn Nhã

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 80/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 về việc xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị Tình** sinh năm 1994; Địa chỉ: tổ Pá Danh, phường Huyền Tung, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

- Bị đơn: Anh **Chu Quang Minh**, sinh năm 1990; Nơi ĐKKHKT: tổ Pá Danh, phường Huyền Tung, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Hiện nay anh Chu Quang Minh đang thi hành án tại Đội 32 Phân trại 1 - Cục Cảnh sát quản lý Trại giam, Cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng Trại Giam Phú Sơn 4 - Bộ Công an (đóng trên địa bàn huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,  
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

**1. Về điều luật áp dụng:** Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4

Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Kết quả biểu quyết: 3/3.

## **2. Về nội dung giải quyết vụ án:**

\*Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị Tình đối với anh Chu Quang Minh. Chị Hoàng Thị Tình được ly hôn với anh Chu Quang Minh.

\*Về con chung: Giao con chung tên là Chu Hoàng Linh sinh ngày 11/11/2013 cho anh Chu Quang Minh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Trong thời gian anh Chu Quang Minh còn đang chấp hành án, tạm giao cháu Chu Hoàng Linh sinh ngày 11/11/2013 cho ông Chu Quang Đạo và bà Nông Thị Mơi (là ông bà nội của cháu Chu Hoàng Linh) thay anh Chu Quang Minh thực hiện việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Chu Hoàng Linh cho đến khi anh Minh chấp hành án xong.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

\*Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

\*Về án phí: Chị Hoàng Thị Tình phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000135 ngày 30/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Chị Hoàng Thị Tình đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

\*Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị Tình và anh Chu Quang Minh có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 20 phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Văn Hoạt      Lương Tuấn Nhã**

**Tạ Văn Tư**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẮC KẠN  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21/01/2019

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn, nuôi  
con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN, TỈNH BẮC KẠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tạ Văn Tư

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Văn Hoạt;

2. Bà Đoàn Thị Nhâm.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Tạ Xuân Trà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:* Bà Nông Thị Dinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố B, xét xử công khai vụ án thụ lý số: 01/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Cà Thị Bài, sinh năm 1980;

(Chị Bài vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Ngọc Vang, sinh năm 1977; **Có mặt.**

Cùng địa chỉ: thôn Khuổi Mật, phường Huyền Tụng, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2018 và trong quá trình tố tụng, chị Cà Thị Bài trình bày:



Chị kết hôn với anh Phạm Ngọc Vang trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Huyện Tụng, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn (nay là Ủy ban nhân dân phường Huyện Tụng, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn) vào ngày 29/3/2004. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng những năm đầu hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, chị phải đi làm xa nhà, trong thời gian chị đi làm xa, vợ chồng không tin tưởng nhau nên dẫn đến mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay, trong thời gian ly thân cuộc sống vợ chồng không hàn gắn được, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên kiên quyết xin được ly hôn với anh Phạm Ngọc Vang.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên là Phạm Thị Linh, sinh ngày 15/02/2005 và Phạm Quang Vinh, sinh ngày 02/3/2007, các con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn chị ý kiến là các con chung có nguyện vọng ở với ai thì giao cho người đó trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung đến khi đủ 18 tuổi. Nếu cả hai con đều muốn ở với chị thì chị sẽ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung đến khi đủ 18 tuổi và chị không yêu cầu anh Vang phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu cả hai con chung đều muốn ở với anh Phạm Ngọc Vang thì chị sẽ cấp dưỡng nuôi một con chung tên là Phạm Thị Linh, sinh ngày 15/02/2005 với mức mỗi tháng là 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*) đến khi cháu Linh đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Bài tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định để sung công quỹ nhà nước.

*\* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai cũng như tại Biên bản hòa giải bị đơn anh Phạm Ngọc Vang trình bày:*

Về thời điểm kết hôn đúng như chị Bài trình bày, tuy nhiên sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc không có gì mâu thuẫn lớn, nhưng đến tháng 3/2018 chị Bài bỏ nhà đi làm xa. Đến khoảng cuối tháng 8 năm 2018 chị Bài mới về nhà hai vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn. Nay chị Bài xin ly hôn anh Vang không nhất trí.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 (Hai) con chung tên là Phạm Thị Linh, sinh ngày 15/02/2005 và Phạm Quang Vinh, sinh ngày 02/3/2007. Nếu buộc phải ly hôn thì anh Vang nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 (một) con chung tên Phạm Quang Vinh, còn 01 con chung tên là Phạm Thị Linh thì do cháu Linh quyết định. Trường hợp cả 02 con chung quyết định ở cùng với anh Vang và do anh Vang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục thì chị Bài phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 01 (một) con chung tên là Phạm Thị Linh đến khi đủ 18 tuổi.

Theo Biên bản lấy lời khai ngày 04/12/2018 tại Trường Phổ thông trung học cơ sở Huyện Tụng và Biên bản lấy lời khai ngày 10/12/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, cháu Phạm Thị Linh và cháu Phạm Quang Vinh là con

chung của nguyên đơn chị Cà Thị Bài và bị đơn anh Phạm Ngọc Vang khai: Hiện nay hai cháu đang sống cùng bố Phạm Ngọc Vang tại tổ Khuổi Mật, phường Huyền Tung, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Trong trường hợp bố mẹ ly hôn, cháu Phạm Thị Linh và cháu Phạm Quang Vinh có nguyện vọng là được ở với bố vì bố luôn quan tâm, chăm sóc các cháu từ trước đến nay. Đồng thời, các cháu ở với bố thì có nhà ở ổn định, được đi học tại Trường Phổ thông trung học cơ sở Huyền Tung, nơi các cháu đã quen trường, quen lớp. Ngược lại, hiện nay mẹ đang đi làm xa nên chưa có chỗ ở ổn định, khó khăn cho các cháu trong việc sinh sống và học hành.

- Về mức cấp dưỡng: Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/12/2018, anh Vang yêu cầu chị Bài phải cấp dưỡng nuôi 01 con chung tên là Phạm Thị Linh với mức tiền mỗi tháng 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Nhưng tại phiên hòa giải ngày 10/12/2018 chị Bài tự nhận sẽ cấp dưỡng để nuôi 01 (một) con chung tên Phạm Thị Linh với mức mỗi tháng là 500.000 đồng (*năm trăm nghìn đồng*) đến khi cháu Linh đủ 18 tuổi. Anh Vang nhất trí với ý kiến của chị Bài và không có yêu cầu gì thêm. Còn đối với 01 con chung tên Phạm Quang Vinh, sinh ngày 02/3/2007 thì anh Vang không yêu cầu nên chị Bài phải cấp dưỡng nên chị Bài không phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Phạm Ngọc Vang không cung cấp thêm chứng cứ nào khác và không có trình bày gì khác.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành đúng các quy định được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo luật định.

- Về nội dung: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cà Thị Bài về việc xin ly hôn; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao hai con chung nuôi con chung tên là Phạm Thị Linh, sinh ngày 15/02/2005 và Phạm Quang Vinh, sinh ngày 02/3/2007 cho anh Phạm Ngọc Vang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị Cà Thị Bài sẽ cấp dưỡng để nuôi 01 (một) con chung tên Phạm Thị Linh với mức là 500.000 đồng (*năm trăm nghìn đồng*)/tháng đến khi cháu Linh đủ 18 tuổi; về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết; Về án phí: Chị Cà Thị Bài phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định để sung công quỹ nhà nước.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe bị đơn trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Cà Thị Bài có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn giải quyết vụ việc xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các Giấy triệu tập tham gia phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa cho các đương sự. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cả nguyên đơn chị Cà Thị Bài, bị đơn anh Phạm Ngọc Vang đều có mặt. Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng anh Vang, chị Bài đoàn tụ nhưng không thành. Tại phiên tòa bị đơn anh Phạm Ngọc Vang có mặt, nguyên đơn chị Cà Thị Bài có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên theo quy định tại khoản điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Chị Cà Thị Bài và anh Phạm Ngọc Vang kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Huyện Tụng, thị xã Bắc Kạn (nay là phường Huyện Tụng, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn) vào ngày 29/3/2004. Đây là hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Do đó, hôn nhân của chị Bài và anh Vang là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng về sau, tình cảm vợ chồng không còn, thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn, đánh, chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên anh Vang và chị Bài đã sống ly thân hẳn từ tháng 9 năm 2018 đến nay.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành xác minh về cuộc sống vợ chồng giữa chị Bài và anh Vang tại địa phương. Kết quả xác minh cho thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa anh Phạm Ngọc Vang và chị Cà Thị Bài thời gian đầu hạnh phúc, nhưng về sau có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn chủ yếu do tình cảm vợ chồng không còn, kinh tế gia đình còn khó khăn nên chị Bài phải đi làm xa, trong thời gian chị Bài đi làm xa nhà, vợ chồng không tin tưởng nhau. Mâu thuẫn càng trầm trọng hơn kể từ khoảng tháng 9/2018 đến nay - khi chị Bài về nhà hai bên đã xảy ra xô xát, đánh, chửi nhau. Sự việc đã được Tổ hòa giải cơ sở tiến hành hòa giải và lập Biên bản sự việc. Sau đó chị Bài lại đi khỏi địa phương đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, kiên quyết xin được ly hôn với anh Phạm Ngọc Vang.

Mặc dù bị đơn anh Phạm Ngọc Vang không thừa nhận giữa hai vợ chồng có sự mâu thuẫn trầm trọng, chị Bài yêu cầu xin ly hôn, anh Vang không nhất trí ly hôn, nhưng

anh Vang không có chứng cứ nào, cũng như những trình bày nào khác để chứng minh cho ý kiến của mình là có cơ sở.

Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị Cà Thị Bài với anh Phạm Ngọc Vang, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tuy anh Vang không thừa nhận trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nhưng hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là có thật, đã được thể hiện tại các biên bản lấy lời khai, các biên bản xác minh tại địa phương và tại các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ mà Tòa án đã thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án. Thực tế, từ tháng 9 năm 2018 đến nay, vợ chồng anh Vang chị Bài đã sống ly thân, trong thời gian ly thân cuộc sống vợ chồng không hàn gắn được, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị Bài đi đâu, ở đâu và làm gì không trao đổi, bàn bạc và cũng không báo cho anh Vang biết. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần động viên chị Bài về đoàn tụ với chồng nhưng chị Bài không về, kiên quyết ly hôn với anh Vang. Điều đó chứng tỏ: hiện nay tình trạng hôn nhân giữa anh Vang, chị Bài không còn hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Việc chị Bài xin ly hôn với anh Vang là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh Phạm Ngọc Vang và chị Cà Thị Bài có 02 (hai) con chung tên là Phạm Thị Linh, sinh ngày 15/02/2005 và cháu Phạm Quang Vinh, sinh ngày 02/3/2007, hai con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi anh Vang, chị Bài ly hôn, cả hai con chung đều có nguyện vọng được ở cùng anh Vang. Ý kiến của anh Vang và chị Bài đều nhất trí là giao hai con chung cho anh Phạm Ngọc Vang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung đến khi đủ 18 tuổi để đảm bảo tốt nhất cho quyền, lợi ích và sự phát triển của các con chung. Anh Vang có sức khỏe và có khả năng lao động bình thường để nuôi sống bản thân và hai con chung. Còn chị Bài hiện đi làm xa, chưa có nhà ở và công việc, thu nhập ổn định nên khó có khả năng đảm bảo tốt cho các con chung. Do đó, giao hai con chung cho anh Phạm Ngọc Vang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về yêu cầu cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Cà Thị Bài nhận sẽ cấp dưỡng để nuôi 01 (một) con chung tên Phạm Thị Linh, sinh ngày 15/02/2005 với mức mỗi tháng là 500.000 đồng (*năm trăm nghìn đồng*) đến khi cháu Linh đủ 18 tuổi. Đây là sự thỏa thuận hợp pháp, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế, được các đương sự thống nhất nên cần được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Cà Thị Bài phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình,

### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cà Thị Bài đối với anh Phạm Ngọc Vang. Chị Cà Thị Bài được ly hôn với anh Phạm Ngọc Vang.

2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung là Phạm Thị Linh, sinh ngày 15/02/2005 và Phạm Quang Vinh, sinh ngày 02/3/2007 cho anh Phạm Ngọc Vang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi hai con chung đủ 18 tuổi (phù hợp với nguyện vọng của các con chung).

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng: Chị Cà Thị Bài có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với 01 (một) con chung tên là Phạm Thị Linh, sinh ngày 15/02/2005 với mức mỗi tháng là 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*) đến khi cháu Linh đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Chị Cà Thị Bài phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm năm mươi nghìn đồng*) đối với phần nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để nộp ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 05296 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Chị Bài còn phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Chị Cà Thị Bài có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết. Anh Phạm Ngọc Vang có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND tp. Bắc Kạn (02b);
- Chi cục THADS tp. Bắc Kạn  
( 01b, khi Án có hiệu lực);
- Các đương sự (01b);
- UBND phường Huyền Tụng (01b);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Tạ Văn Tư**